

**TÒA ÁN N DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19-8- 2020

*V/v tranh chấp “Ly hôn”*

**N DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Sắc Ly.

*Các Hội thẩm N N dân:*

1. Bà Huỳnh Thanh Trúc.

2. Ông Lê Văn Kiệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án của Tòa án N dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N và gia đình thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Phan Văn Đ sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ thường trú: số M đường T, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: số B đường Đ, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn:* Bà Phan Thị Ng, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: số B đường Đ, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

Ông và bà Phan Thị Ng chung sống và tự nguyện kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 27/7/1998 tại Ủy ban N dân xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 2015 đến nay, cả hai thường xuyên cãi vã có Nhều quan điểm sống không phù hợp nhau, cụ thể cả hai đã ly thân từ năm 2018 đến nay, sống chung nhà nhưng không nói chuyện, không ăn uống và sinh hoạt chung.

Nhận thấy, tính tình cả hai không phù hợp, tình cảm không còn, mục đích hôn **N** không đạt được, nên làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét:

- Về hôn **N**: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà **Ng**.
- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hoàng **N** sinh năm 1994 và Phan Thị Yến **Nh** sinh năm 2000, cả 2 đã thành niên.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phan Thị **Ng** đã được toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vẫn không có ý kiến gì và không có mặt để dự phiên toà mà không có lý chính đáng.

\* Tại phiên tòa:

Ông Phan Văn **Đ** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Phan Thị **Ng** vắng mặt và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phan Văn **Đ** và bà Phan Thị **Ng** kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban **N** dân xã **Vĩnh Hữu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 27/7/1998**. Ngày 27/02/2020 ông Phan Văn **Đ** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị **Ng**, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn **N** và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà **Ng** cư trú tại địa chỉ Số 43 Đỗ Quang, phường 6, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án **N** dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn bà Phan Thị **Ng** vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **Ng** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ, chứng minh: Bà Phan Thị **Ng** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, thông báo về kết quả hòa giải và công khai các chứng cứ, nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện ông Phan Văn **Đ**. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn **N**: Ông Phan Văn **Đ** và bà Phan Thị **Ng** có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn **N** của ông **Đ** và bà **Ng** là hôn **N** hợp pháp. Theo lời khai của ông **Đ** thì thời gian đầu ông và bà **Ng** chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khác biệt quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau, cụ thể cả hai đã ly thân từ năm 2018 đến nay, sống chung nhà nhưng không nói chuyện, không

ăn uống và sinh hoạt chung. Cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, không còn quan tâm nhau mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn N không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Tại phiên tòa, dù được Hội đồng xét xử giải thích về hậu quả của việc ly hôn nhưng ông Phan Văn Đ vẫn cương quyết ly hôn với bà Ng. Từ khi khởi kiện đến nay phía bà Ng cũng không có ý kiến gì phản đối, đối với yêu khởi kiện ly hôn của ông Phan Văn Đ. Ngoài ra, giữa ông Phan Văn Đ và bà Phan Thị Ng thường xuyên cãi vã, dù ly thân đã lâu nhưng không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy đời sống vợ chồng giữa ông Phan Văn Đ và bà Phan Thị Ng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn N không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Văn Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn N và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hoàng N, sinh năm 1994 và Phan Thị Yến Nh, sinh năm 2000, cả 2 đã thành niên, nên không xem xét giải quyết về con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Phan Văn Đ phải chịu án phí hôn N và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 131 Luật hôn N và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ.

- Về quan hệ hôn N: Ông Phan Văn Đ được ly hôn với bà Phan Thị Ng.
- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hoàng N, sinh năm 1994 và Phan Thị Yến Nh, sinh năm 2000, cả 2 đã thành niên, nên không xem xét giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phan Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N sơ thẩm. Ông Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001173 ngày 27/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Văn Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phan Thị Ng có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND phường S;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Sắc Ly**

Các Hội thẩm N dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND phường 2;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Sắc Ly**